

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 525/2017/HSPT
Ngày: 25/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các thẩm phán:

1. Ông Đặng Hồng Sơn
2. Bà Quách Thanh Bình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 487/2017/HSPT, ngày 01/9/2017 đối với bị cáo Nguyễn T do có kháng cáo của bị cáo T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 239/2017/HSST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn T; giới tính: nam; sinh năm: 1992 tại: Quảng Ngãi; thường trú: thôn T, xã M, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: sửa chữa điện thoại; con ông: A và bà: B; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (bị bắt tạm giam từ ngày 01/8/2016, đến ngày 11/8/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú) (có mặt).

Người tham gia tố tụng khác:

Người bị hại:

Ông Nguyễn Ngọc H

Trú tại: tổ N, khu M, thị trấn P, huyện P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

Người làm chứng:

Bà L, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 01/8/2016, ông Nguyễn Ngọc H lên xe buýt số 150 tại trạm xe buýt ST, thuộc khu phố D, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh để đi đến khu vực CL, Quận I. Khi ông H đang đứng trên xe buýt, Nguyễn T đứng phía sau ông H, dùng tay phải lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S để trong túi quần phía trước bên trái của ông H. Bà L (nhân viên xe buýt) nhìn thấy T móc túi ông H lấy điện thoại di động nên chụp tay T nhưng không được. Ông H phát hiện bị mất điện thoại di động nên đã dùng tay chụp nhưng trúng tay bà L. Bà L chỉ cho ông H biết T đã lấy điện thoại di động của ông H. Ông H hỏi T có lấy điện thoại di động của mình không, T trả lời không. Ông H kiểm tra thì phát hiện chiếc điện thoại di động của mình được giấu sau lưng quần của T. Ông H, bà L đưa T cùng vật chứng đến công an phường Linh Trung, quận Thủ Đức lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn T chỉ thừa nhận nhặt được chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S của ông H ở lối đi lên xuống của xe buýt, không thừa nhận dùng tay móc túi quần của ông H lấy điện thoại di động.

Tại Công văn số 383/UBND-TCKH ngày 04/8/2016 của Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức thể hiện:

Các thành viên trong Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thống nhất định giá tài sản như sau:

01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S màu hồng trị giá 12.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 239/2017/HSST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn T 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 01/8/2016 đến ngày 11/8/2016).

Ngoài ra, bản án tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 31/7/2017, bị cáo Nguyễn T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, cụ thể: do hoàn cảnh khó khăn, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của ông Nguyễn Ngọc H thì bị bắt quả tang. Bị cáo T xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để có điều kiện nuôi dưỡng cha mẹ già và chăm sóc con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất của vụ án, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 01/8/2016, trên xe buýt số 150 (xuất phát từ trạm xe buýt ST, thuộc khu phố D, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực CL, Quận I), bị cáo Nguyễn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S của ông Nguyễn Ngọc H thì bị bắt quả tang. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 138 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo Nguyễn T về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội.

Bị cáo Nguyễn T kháng cáo, đơn kháng cáo làm trong hạn luật định là hợp lệ.

Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Bị cáo Nguyễn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của ông Nguyễn Ngọc H, qua định giá thì tài sản trên có giá trị 12.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn T 10 tháng tù là đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi ngày 19/9/2017 cùng bản photo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 91/2015/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi với nội dung: bị cáo đã ly hôn vợ, đang trực tiếp nuôi 01 con là cháu N (sinh ngày 24/10/2013), bản thân là trụ cột trong gia đình và nuôi dưỡng cha mẹ già. Đây là tình tiết mới của vụ án, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Ngoài ra, do tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, tại Đơn xin xác nhận của Nguyễn T (BL 105) thể hiện nội dung: ngày 13/3/2017 công an xã M, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xác nhận từ ngày bị cáo T được tại ngoại, bị cáo chấp hành tốt pháp luật nhà nước. Xét thấy bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, có thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn T. Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn T 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người phạm tội không chấp hành án treo thay vì nộp tiền bồi thường thì thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Bị cáo không nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND quận Thủ Đức; (1)
- P.PC53- CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- Người bị hại; (1)
- Thi hành án quận Thủ Đức; (2)
- TAND quận Thủ Đức; (1)
- Công an quận Thủ Đức; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ (25) (7).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan

